TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÒA BÌNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số:48/2025/DS-ST
Ngày: 29-05-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Phương
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2051/QĐXX-ST ngày 02 tháng 04 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: B P, Phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái H, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B. (Văn bản ủy quyền số 168/GUQ-SGB ngày 13/06/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Hoàng V, chức vụ: Trưởng phòng G - Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B. (Văn bản ủy quyền số 107/GUQ-SGBBL ngày 28/06/2024). Ông V có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1956 (đã chết)
và bà Dương Thị Cẩm V2, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

* Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1:

+ Bà Dương Thị Cẩm V2, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
+ Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
- Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
- Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
- Chị La Như Q, sinh năm 2004 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 08 năm 2024, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Cẩm V2 có vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất: Theo giấy nhận nợ số 01-34HB/2021 đã ký ngày 29/4/2021 và Hợp đồng tín dụng số 34HB/2021/HĐTDTL-CN ngày 26/4/2021, ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Cẩm V2 vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh B với số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay vốn là đầu tư sửa chữa nhà, phương thức cho vay: Cho vay từng lần, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất: 12%/năm.

- Khoản vay thứ hai: Theo giấy nhận nợ số 01-34HB/2021 đã ký ngày 29/4/2022 và Hợp đồng tín dụng số 34HB/2022/HĐTDTL-CN ngày 26/4/2022, ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Cẩm V2 vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh B với số tiền vay gốc là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), mục đích vay vốn là đầu tư nuôi tôm, phương thức cho vay: Cho vay từng lần, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất: 12%/năm.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, ông V1 và bà V2 ký hợp đồng thế chấp số 108HB/HĐTC-2013 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01-108HB/HĐTCBS-2013 với Ngân hàng thương mại cổ phần S để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích: 71 m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 605096 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/01/2006, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V1.

Trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Cẩm V2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Hiện ông Nguyễn Văn V1 đã chết. Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà

Dương Thị Cẩm V2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/5/2025 là 196.739.705 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 148.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), L1 trong hạn: 20.565.370 đồng (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Lãi quá hạn: 28.188.925 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp bà V2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không còn có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 17 tháng 12 năm 2024, theo bị đơn - bà Dương Thị Cẩm V2 trình bày: Bà V2 thống nhất theo trình bày của đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc vay tiền theo các giấy nhận nợ, hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản là đúng. Bà V2 thừa nhận bà V2 và ông V1 có ký giấy nhận nợ số 01-34HB/2021 ngày 29/4/2021, Hợp đồng tín dụng số 34HB/2021/HĐTDTL-CN ngày 26/4/2021, để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh B số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và giấy nhận nợ số 01-34HB/2021 ngày 29/4/2022, hợp đồng tín dụng số 34HB/2022/HĐTDTL-CN ngày 26/4/2022, để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh B số tiền vay gốc là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Để đảm bảo khoản vay, ngày 02/10/2013, ông V1 và bà V2 có ký hợp đồng thế chấp số 108HB/HĐTC-2013 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01-108HB/HĐTCBS-2013 với Ngân hàng thương mại cổ phần S để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích: 71 m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 605096 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/01/2006, phần đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V1.

Quá trình vay vốn, do hoàn cảnh khó khăn nên bà và ông V1 chưa thanh toán các khoản nợ vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì bà Dương Thị Cẩm V2 đồng ý trả số tiền nợ tính đến ngày 01/8/2024 là 174.514.772 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 148.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), nợ lãi là 26.314.772 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày khởi kiện cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp bà V2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, bà V2 không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 và *người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1, chị*

La Như Q không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1, chị La Như Q cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1, chị La Như Q, nhưng chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1, chị La Như Q không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Dương Thị Cẩm V2.

Buộc bà Dương Thị Cẩm V2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S với số tiền tính đến ngày 29/05/2025 là 196.739.705 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 148.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), L1 trong hạn: 20.565.370 đồng (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Lãi quá hạn: 28.188.925 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Trường hợp bà Dương Thị Cẩm V2 không thanh toán được nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với việc Ngân hàng thương mại cổ phần S không yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Dương Thị Cẩm V2 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Dương Thị Cẩm V2 phải chịu số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần S CôngThương đã dự nộp xong. Bà Dương Thị Cẩm V2 có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S CôngThương số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Dương Thị Cẩm V2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm: bà Dương Thị

Cẩm V2 phải chịu nộp là 196.739.705 đồng x 5% = 9.836.985 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Tuy nhiên, do bà Dương Thị Cẩm V2 là người cao tuổi, đồng thời, bà Dương Thị Cẩm V2 có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí cho bà Dương Thị Cẩm V2 số tiền là 9.836.985 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Hoàng V có đơn xin vắng mặt; bị đơn là bà Dương Thị Cẩm V2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 và chị La Như Q vắng mặt tại phiên tòa. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho bà V2, chị M, chị D, anh T, anh H1, chị Q theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, nhưng bà V2, chị M, chị D, anh T, anh H1, chị Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Dương Thị Cẩm V2:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Dương Thị Cẩm V2 đều thống nhất thừa nhận: Bà V2 và ông V1 có ký giấy nhận nợ số 01-34HB/2021 ngày 29/4/2021, Hợp đồng tín dụng số 34HB/2021/HĐTDTL-CN ngày 26/4/2021, để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh B số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và giấy nhận nợ số 01-34HB/2021 ngày 29/4/2022, hợp đồng tín dụng số 34HB/2022/HĐTDTL-CN ngày 26/4/2022, để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh B số tiền vay gốc là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có cung cấp các giấy nhận nợ, Hợp đồng tín dụng, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Trong quá trình vay vốn thì ông V1, bà V2 đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, hiện nay do ông V1 đã chết, do đó, Ngân hàng yêu cầu bà V2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 29/5/2025 tổng cộng là 196.739.705 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 148.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), L1 trong hạn: 20.565.370 đồng (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Lãi quá hạn: 28.188.925 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm

tám mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2025 đến ngày bà V2 trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, buộc bà Dương Thị Cẩm V2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S vốn, lãi của Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/5/2025 tổng cộng là 196.739.705 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 148.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), L1 trong hạn: 20.565.370 đồng (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Lãi quá hạn: 28.188.925 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Dương Thị Cẩm V2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà V2 vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2.] Xét hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn V1, bà Dương Thị Cẩm V2.

Xét về hình thức hợp đồng, hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Xét về nội dung hợp đồng: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng thì ông V1, bà V2 có thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích: 71 m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 605096 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/01/2006, phần đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V1.

Theo biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chổ, thể hiện phần đất vẫn còn nguyên vẹn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V1, hiện tại vẫn do hộ ông Nguyễn Văn V1 đứng tên, hộ ông Nguyễn Văn V1 không chuyển nhượng, cầm cố hay cho ai khác thuê. Trên phần đất thế chấp có:

+ Nhà trước: Ngang 5m x 4,5m, xây dưng 5 vách bê tông, nền lót gạch bôn, đòn tay dầu, mái tôn xi măng.

+ Nhà chính: Mặt trước 05m, mặt sau: 04m, dài 17,5m, xây dựng vách bê tông nguyên khối, nền lót gạch men, đòn tay dầu, mái lợp tôn xi măng.

+ Mái hiên bên hông nhà ngang 1m dài 8m, đòn tay dầu, mái lợp tôn xi măng.

+ Phía sau có nhà vệ sinh ngang 2m dài 3m, vách bê tông nguyên khối, nền lót gạch bông, đòn tay dầu, mái lợp tôn xin măng.

Hiện tại do bà Dương Thị Cẩm V2 và chị La Như Q đang ở trên đất thế chấp. Ngoài ra, không còn ai khác đang ở trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thương mại cổ phần S có cung cấp biên bản họp gia đình (BL 25) của hộ ông Nguyễn Văn V1 thì ông Nguyễn Văn V1, bà Dương Thị Cẩm V2, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thanh H1 đã thống nhất đồng ý dùng toàn bộ tài sản chung là Quyền sử dụng đất nêu trên thế chấp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Tại Công văn số 622/CAHB ngày 05/12/2024 của Công an huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2006 thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn V1 gồm những thành viên là ông Nguyễn Văn V1, bà Dương Thị Cẩm V2, chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H2 và chị La Như Q.

Đối chiếu với đơn yêu cầu đăng ký thế chấp và Hợp đồng thế chấp thì không có chữ ký của chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, chị La Như Q. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, chị La Như Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, chị La Như Q không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho thấy, các đương sự đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên mọi hậu quả pháp lý bất lợi đương sự phải tự gánh chịu, theo quy định tại khoản 5, khoản 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, đương sự cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác thể hiện quyền lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị xâm phạm.

Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu trường hợp bà Dương Thị Cẩm V2 không có khả năng thanh toán được nợ theo Hợp đồng tín dụng thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ trên cũng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với việc Ngân hàng thương mại cổ phần S xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là Ngân hàng không yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Dương Thị Cẩm V2 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng là tự nguyện, nên căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với việc Ngân hàng thương mại cổ phần S không yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Dương Thị Cẩm V2 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị Cẩm V2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm: bà Dương Thị Cẩm V2 phải chịu nộp là 196.739.705 đồng x 5% = 9.836.985 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Tuy nhiên, do bà Dương Thị Cẩm V2 là người cao tuổi, đồng thời, bà Dương Thị Cẩm V2 có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí cho bà Dương Thị Cẩm V2 số tiền là 9.836.985 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S đã dự nộp số tiền 4.362.869 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng) tại biên lai thu số 0005614 ngày 04/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Dương Thị Cẩm V2 phải chịu số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần S CôngThương đã dự nộp xong. Bà Dương Thị Cẩm V2 có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Dương Thị Cẩm V2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Dương Thị Cẩm V2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là: 196.739.705 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 148.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), L1 trong hạn: 20.565.370 đồng (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Lãi quá hạn: 28.188.925 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Dương Thị Cẩm V2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Dương Thị Cẩm V2 vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Dương Thị Cẩm V2 không thanh toán được nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất diện tích: 71 m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 605096 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/01/2006, phần đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V1.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với việc Ngân hàng thương mại cổ phần S không yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V1 là chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Dương Thị Cẩm V2 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Dương Thị Cẩm V2 phải chịu số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần S CôngThương đã dự nộp xong. Bà Dương Thị Cẩm V2 có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S CôngThương số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị Cẩm V2 số tiền là 9.836.985 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S đã dự nộp số tiền 4.362.869 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng) tại biên lai thu số 0005614 ngày 04/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Xuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;